

# **HỘI ĐỒNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT QUẬN BA ĐÌNH**

## **CÂU HỎI CUỘC THI VIẾT**

**“Tìm hiểu Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020  
trên địa bàn quận Ba Đình năm 2023”**

### **PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

*(Chọn 01 đáp án đúng nhất)*

**Câu 01: Việc sử dụng thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?**

- A. Bảo đảm an toàn thông tin
- B. Bảo đảm đúng mục đích
- C. Bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư của công dân
- D. Bảo đảm tính minh bạch

**Câu 02: Khi có người đến lưu trú, người nào có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với cơ quan đăng ký cư trú?**

- A. Thành viên hộ gia đình
- B. Người đại diện cơ sở chữa bệnh
- C. Người đại diện cơ sở lưu trú du lịch và các cơ sở khác có chức năng lưu trú
- D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 03: Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ bao nhiêu ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú?**

- A. 30 ngày trở lên
- B. 60 ngày trở lên
- C. 90 ngày trở lên
- D. 06 tháng trở lên

**Câu 04: Cơ quan nào chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cư trú?**

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- B. Bộ Công an
- C. Bộ Tư pháp
- D. Ủy ban nhân dân các cấp

**Câu 05: Nội dung nào sau đây là nguyên tắc chỉnh sửa thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú?**

- A. Việc chỉnh sửa thông tin về công dân được thực hiện thường xuyên, định kỳ hàng năm
- B. Chỉ chỉnh sửa thông tin về công dân khi phát hiện có sự thay đổi hoặc sai sót trong quá trình thu thập, cập nhật, quản lý thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu về cư trú
- C. Chỉ chỉnh sửa thông tin khi công dân có yêu cầu
- D. Chỉ chỉnh sửa thông tin khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

**Câu 06: Cơ quan nào có trách nhiệm giải quyết đăng ký cư trú?**

- A. Công an xã, phường, thị trấn; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.
- B. Công an xã, phường, thị trấn
- C. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố
- D. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương

**Câu 07: Mức phạt tiền đối với hành vi không xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Chứng minh nhân dân, Thẻ Căn cước công dân hoặc Giấy xác nhận số CMND khi nào có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền là bao nhiêu?**

- A. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- D. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

**Câu 08: Người có hành vi “Cản trở, không chấp hành việc kiểm tra thường trú, kiểm tra tạm trú, kiểm tra lưu trú theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền” bị xử phạt như thế nào?**

- A. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

C. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

D. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

**Câu 09: Việc điều chỉnh thông tin về cư trú của công dân trong cơ sở dữ liệu về cư trú được thực hiện trong trường hợp nào?**

A. Thay đổi chủ hộ

B. Thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú

C. Thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 10: Cơ quan nào có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú, tạm trú?**

A. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

B. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú

C. Cơ quan đã đăng ký thường trú, tạm trú

D. Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cơ quan đã đăng ký thường trú

**Câu 11: Mức phạt đối với hành vi không khai báo tạm trú cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật là bao nhiêu tiền?**

A. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng

B. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng

C. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

D. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

**Câu 12: Trường hợp ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em ruột đến lưu trú nhiều lần thì việc thông báo lưu trú được quy định như thế nào?**

A. Không phải thông báo lưu trú

B. Chỉ cần thông báo lưu trú một lần

C. Thông báo lưu trú hàng ngày

D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 13: Người thuộc trường hợp nào thì bị xóa đăng ký tạm trú?**

A. Vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác

- B. Đã được đăng ký thường trú tại chính nơi tạm trú
- C. Chết; có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết
- D. Tất cả các trường hợp trên

**Câu 14: Trước ngày kết thúc thời hạn tạm trú đã đăng ký, công dân phải làm thủ tục gia hạn tạm trú trong thời hạn bao nhiêu ngày?**

- A. 07 ngày
- B. 15 ngày
- C. 20 ngày
- D. 30 ngày

**Câu 15: Thông báo lưu trú được thực hiện bằng các hình thức nào?**

- A. Trực tiếp
- B. Bằng điện thoại
- C. Bằng phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.
- D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 16: Mức phạt tiền đối với hành vi “đã cư trú tại chỗ ở hợp pháp mới, đủ điều kiện đăng ký cư trú nhưng không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật” là bao nhiêu?**

- A. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng
- D. Phạt tiền 500.000 đồng

**Câu 17: Người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có trách nhiệm khai báo tạm vắng khi đi khỏi phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện nơi đang cư trú trong thời gian bao nhiêu lâu?**

- A. Từ 02 tháng liên tục trở lên
- B. Từ 03 tháng liên tục trở lên
- C. Từ 06 tháng liên tục trở lên
- D. Từ 01 tháng trở lên

**Câu 18: Mức phạt đối với cơ sở kinh doanh lưu trú, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, cơ sở lưu trú du lịch và các cơ sở khác có chức năng lưu trú không thực hiện thông báo việc lưu trú từ 01 đến 03 người lưu trú là bao nhiêu?**

- A. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng
- B. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng
- C. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng
- D. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng

**Câu 19: Nội dung khai báo tạm vắng gồm những thông tin nào?**

- A. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số CMND, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng
- B. Họ và tên, lý do tạm vắng, thời gian tạm vắng
- C. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số CMND, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng; lý do tạm vắng, thời gian tạm vắng, địa chỉ nơi đến.
- D. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số CMND, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng; lý do tạm vắng, địa chỉ nơi đến.

**Câu 20: Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020 có hiệu lực thi hành từ thời gian nào?**

- A. Ngày 01 tháng 06 năm 2021
- B. Ngày 01 tháng 07 năm 2021
- C. Ngày 01 tháng 08 năm 2021
- D. Ngày 01 tháng 09 năm 2021

## **PHẦN II. CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Anh/ chị hãy trình bày hiểu biết của bản thân về ý nghĩa, mục đích của công tác đăng ký tạm trú (trong công tác quản lý, phục vụ quyền lợi của nhân dân, trong phòng ngừa tội phạm...)?

## **PHẦN III. CÂU HỎI PHỤ**

Anh/ chị cho biết có bao nhiêu bài dự thi có đáp án đúng 20/20 câu hỏi trắc nghiệm?